



**LỊCH THI LẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)**  
**HỆ CAO ĐẲNG và ĐẠI HỌC (CÓ LÝ DO CHÍNH ĐÁNG)**

| STT | Lớp học   | Mã LHP       | Sĩ số | Từ<br>sĩ số | Môn thi                                      | Thứ | Ngày thi   | Thời<br>gian thi | Phòng<br>thi | Hình thức thi | Ghi chú            |
|-----|-----------|--------------|-------|-------------|----------------------------------------------|-----|------------|------------------|--------------|---------------|--------------------|
| 1   | 20CĐAN01  | 030100003602 | 1     |             | Dịch vụ không lưu                            | 2   | 13/02/2023 | 7:30             | A106         | Trắc nghiệm   |                    |
| 2   | 20CĐKL01  | 030100067602 | 1     |             | Dịch vụ kiểm soát đường dài                  | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 3   | 20CĐCK01  | 030100068402 | 3     |             | Hệ thống điện tử tàu bay                     | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 4   | 21CĐCK01  | 030100059902 | 2     |             | Khí động lực học cơ bản                      | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 5   | 20CĐTM03  | 030100029104 | 1     |             | Quan hệ khách hàng và văn hóa doanh nghiệp   | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Tự luận       |                    |
| 6   | 21CĐKL01  | 030100099702 | 1     |             | Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2     | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 7   | 21CĐTM01  | 030100068903 | 2     |             | Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9       | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Tự luận       |                    |
| 8   | 22CĐTM01  | 030100022802 | 9     |             | Pháp luật                                    | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 9   | 19ĐHQTVT2 | 010100012801 | 1     |             | Bảo hiểm hàng không                          | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 10  | 21ĐHKT01  | 010800069603 | 1     |             | Cơ học lý thuyết                             | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 11  | 22ĐHTT05  | 010100037305 | 1     |             | Cơ sở dữ liệu                                | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 12  | 17ĐVKL02  | 010200004201 | 1     |             | Cứu hỏa và phương thức khẩn nguy sân bay     | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 13  | 21ĐHQT03  | 010100024405 | 1     |             | Chủ nghĩa xã hội khoa học                    | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 14  | 21ĐHQT07  | 010800024401 | 1     |             | Chủ nghĩa xã hội khoa học                    | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 15  | 20ĐHQTVT1 | 010100080805 | 1     |             | Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học     | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 16  | 21ĐHTT02  | 010100051001 | 1     |             | Kiến trúc máy tính                           | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 17  | 20ĐHKT01  | 010800065001 | 1     |             | Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 18  | 21ĐHQT05  | 010100055105 | 1     |             | Nguyên lý thống kê kinh doanh                | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 19  | 21ĐHQT05  | 010100055108 | 1     |             | Nguyên lý thống kê kinh doanh                | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 20  | 22ĐHTT01  | 010100052501 | 1     |             | Nhập môn ngành CNTT                          | 2   | 13/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 21  | 22CĐCK01  | 030100059002 | 5     |             | Giáo dục chính trị                           | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Tự luận       |                    |
| 22  | 21CĐKL01  | 030100065902 | 5     |             | Cơ học và tính năng tàu bay                  | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 23  | 20CĐCK01  | 030100066802 | 1     |             | Hệ thống cơ khí tàu bay 2                    | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 24  | 21CĐAN01  | 030100024802 | 1     |             | Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự     | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |

| STT | Lớp học    | Mã LHP       | Sĩ số | Từ<br>sĩ số | Môn thi                                                        | Thứ | Ngày thi   | Thời<br>gian thi | Phòng<br>thi | Hình thức thi | Ghi chú            |
|-----|------------|--------------|-------|-------------|----------------------------------------------------------------|-----|------------|------------------|--------------|---------------|--------------------|
| 25  | 21CĐTM01   | 030100031004 | 3     |             | Tiếng Anh chuyên ngành 1-PVHK                                  | 2   | 13/02/2023 | 9:30             | B301         | Trắc nghiệm   |                    |
| 26  | 22ĐHTT05   | 010100052505 | 1     |             | Nhập môn ngành CNTT                                            | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 27  | 21ĐHĐT01   | 011100040602 | 1     |             | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 28  | 19ĐHQTVT2  | 010100011202 | 1     |             | Quản trị dự án                                                 | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 29  | 19ĐHQTTTH2 | 010100011901 | 1     |             | Quản trị Marketing                                             | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 30  | 20ĐHQTTTH  | 010100017101 | 1     |             | Quản trị tài chính                                             | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 31  | 20ĐHKT01   | 010800069301 | 1     |             | Tiếng Anh chuyên ngành 1 (KTHK)                                | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 32  | 22ĐHTT01   | 010100051701 | 1     |             | Toán cơ sở                                                     | 2   | 13/02/2023 | 9:30             |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 33  | 19ĐHQTTTH1 | 010100050001 | 1     |             | Tổ chức hệ thống thông tin DN                                  | 2   | 13/02/2023 | 18:30            | B202         | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 34  | 19ĐHQTTTH1 | 010100099801 | 1     |             | Thị trường chứng khoán                                         | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 35  | 22ĐĐHDL02  | 010100074603 | 1     |             | Triết học Mác - Lê nin                                         | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 36  | 22ĐHTT01   | 010100074607 | 1     |             | Triết học Mác - Lê nin                                         | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 37  | 20ĐHQTC2   | 010100012302 | 1     |             | Văn hoá doanh nghiệp                                           | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 38  | 20ĐHKT01   | 010800052401 | 2     |             | Lịch sử Đảng                                                   | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 39  | 20ĐHQTTTH  | 010100011505 | 1     |             | Quản trị chiến lược                                            | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 40  | 20ĐVQT01   | 010200011001 | 1     |             | Lý thuyết tài chính tiền tệ                                    | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 41  | 17ĐVKL02   | 010200004201 | 1     |             | Cứu hỏa và phương thức khẩn nguy sân bay                       | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 42  | 21CĐKL01   | 030100063502 | 3     |             | Bản đồ hàng không                                              | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Tự luận       |                    |
| 43  | 21CĐTM01   | 030100052003 | 5     |             | Phục vụ hành lý                                                | 2   | 13/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 44  | 21CĐTM01   | 030100033503 | 3     |             | Điện văn hàng hóa                                              | 3   | 14/02/2023 | 7:30             | B302         | Tự luận       |                    |
| 45  | 21CĐKL01   | 030100033902 | 1     |             | Hệ thống thông tin, liên lạc HK                                | 3   | 14/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 46  | 21CĐAN01   | 030100066302 | 1     |             | Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế | 3   | 14/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 47  | 22CĐKL01   | 030100060103 | 5     |             | Pháp luật hàng không                                           | 3   | 14/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 48  | 22CĐAN01   | 030100060104 | 1     |             | Pháp luật hàng không                                           | 3   | 14/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 49  | 21CĐTM02   | 030100064303 | 5     |             | Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng                          | 3   | 14/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 50  | 22CĐTM01   | 030100059709 | 5     |             | Tiếng Anh                                                      | 3   | 14/02/2023 | 7:30             |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 51  | 21CĐTM01   | 030100030003 | 6     |             | Điện văn hành khách và hành lý                                 | 3   | 14/02/2023 | 9:30             | B302         | Tự luận       |                    |
| 52  | 21CĐCK01   | 030100053802 | 11    |             | Động cơ Piston                                                 | 3   | 14/02/2023 | 9:30             |              | Tự luận       |                    |
| 53  | 20CĐTM01   | 030100024504 | 7     |             | Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm                             | 3   | 14/02/2023 | 9:30             |              | Tự luận       |                    |

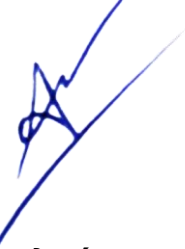
| STT | Lớp học  | Mã LHP       | Sĩ số | Từ<br>sĩ số | Môn thi                               | Thứ | Ngày thi   | Thời<br>gian thi | Phòng<br>thi | Hình thức thi | Ghi chú            |
|-----|----------|--------------|-------|-------------|---------------------------------------|-----|------------|------------------|--------------|---------------|--------------------|
| 54  | 22CĐTM01 | 030100060704 | 7     |             | Nhận thức về an toàn vệ sinh lao động | 3   | 14/02/2023 | 9:30             | B202         | Tự luận       |                    |
| 55  | 22CĐKL01 | 030100063002 | 1     |             | Sân bay                               | 3   | 14/02/2023 | 9:30             |              | Tự luận       |                    |
| 56  | 22CĐCK01 | 030100061502 | 9     |             | Vật lý kỹ thuật                       | 3   | 14/02/2023 | 9:30             |              | Tự luận       |                    |
| 57  | 20ĐVKL01 | 010200000801 | 1     |             | Anh văn cơ bản 1                      | 3   | 14/02/2023 | 18:30            |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 58  | 21ĐHQT08 | 010100000808 | 1     |             | Tiếng Anh cơ bản 1                    | 3   | 14/02/2023 | 18:30            |              | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 59  | 21ĐHQT02 | 010100001203 | 1     |             | Tiếng Anh cơ bản 2                    | 3   | 14/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 60  | 21ĐHQT05 | 010100001205 | 2     |             | Tiếng Anh cơ bản 2                    | 3   | 14/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 61  | 20ĐVQT01 | 010200011801 | 1     |             | Thanh toán quốc tế                    | 3   | 14/02/2023 | 18:30            | B201         | Tự luận       | Có đơn xin thi lại |
| 62  | 22ĐHDL01 | 010100010411 | 1     |             | Kinh tế vi mô                         | 3   | 14/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 63  | 22ĐHDL02 | 010100058711 | 1     |             | Quản trị học                          | 3   | 14/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 64  | 22CĐCK01 | 030100061402 | 11    |             | Toán kỹ thuật                         | 3   | 14/02/2023 | 18:30            |              | Trắc nghiệm   |                    |
| 65  | 22CĐKL01 | 030100059406 | 11    |             | Tin học                               | 3   | 14/02/2023 | 12:30            |              | Thực hành     |                    |
| 66  | 21ĐHQT08 | 010800000401 | 1     |             | Tin học đại cương                     | 3   | 14/02/2023 | 12:30            | D02          | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 67  | 21ĐHQT02 | 010100000104 | 1     |             | Tổng quan về hàng không dân dụng      | 3   | 14/02/2023 | 12:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 68  | 22ĐHTT02 | 010100000110 | 1     |             | Tổng quan về hàng không dân dụng      | 3   | 14/02/2023 | 12:30            |              | Trắc nghiệm   | Có đơn xin thi lại |
| 69  | 22ĐHNA02 | 010100084102 | 1     |             | Nghe - Nói 1                          | 3   | 14/02/2023 | 14:30            | B202         | Vấn đáp       | Có đơn xin thi lại |
| 70  | 21CĐTM01 | 030100064203 | 5     |             | Giấy tờ du lịch                       |     |            |                  |              | Tiểu luận     |                    |

Lập bảng



**Ngô Thanh Tuấn**

Tp. HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2023  
PHÒNG ĐÀO TẠO



**TS. Cổ Tấn Anh Vũ**